

Bản án số: **467/2024/HS-PT**

Ngày: 14/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Điệp - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh S1, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 448/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo **Trần Văn X** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh S1.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Trần Văn X; tên gọi khác: Không; sinh năm 1973 tại **thành phố H, tỉnh Z**; Nơi ĐKNKTT: **Bản T, xã T, huyện Y, tỉnh S1**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông **Trần Văn L** và bà **Trần Thị R** (đều đã chết); bị cáo có vợ là **Nguyễn Thị D** (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án số 34/2006/HSST ngày 05/4/2006, Tòa án nhân dân thị xã S1, tỉnh S1 xét xử 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Tại Bản án số 18/2016/HS-ST ngày 06/12/2016, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh S1 xét xử 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy;

- Tại Bản án số 24/2020/HS-ST ngày 21/4/2020, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh S1 xét xử 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 15/3/2021 (BL 479b).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/5/2023 đến nay; có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo **Trần Văn X**: Ông **Cầm Văn T**, Luật sư **Văn phòng L1** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh S**; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo **Trần Văn T1** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trần Thị Q** không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 40 phút ngày 19/5/2023 tổ công tác **Công an huyện Y** và **Công an xã P** làm nhiệm vụ tại khu vực bản **T**, xã **P**, huyện **Y** phát hiện bắt quả tang **Trần Văn T1**, sinh năm 1973, trú tại bản **T**, xã **P**, huyện **Y** và **Trần Văn X**, sinh năm 1973, trú tại bản Trung Tâm, xã **T**, huyện **Y** có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa các viên nén màu hồng thu tại bàn chỗ **T1** và **X** đang ngồi trong phòng ngủ cửa hàng của gia đình **Trần Văn T1** (**T1** và **X** khai là **H** phiến mục đích để mang đi bán kiếm lời).

- 01 tàu tự chế bằng chai nhựa, 01 bật lửa ga (**T1** và **X** khai nhận là công cụ dùng để sử dụng ma túy).

- 02 điện thoại di động của **Trần Văn T1**; 01 điện thoại di động, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ, đen BKS: 34B2-669.88 của **Trần Văn X**.

Cùng ngày 19/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Y** tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của **Trần Văn T1** tại bản **T**, xã **P**, huyện **Y**, kết quả thu giữ:

- 29 túi nilon (23 túi nilon màu xanh, 06 túi nilon màu hồng) bên trong chứa các viên nén màu hồng nghi **H** phiến, thu giữ bên trong chiếc lốp xe ô tô nhãn hiệu GITI màu đen tại cửa hàng của **T1** (**T1** khai là **H** phiến).

- 03 gói nilon màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là **H1** (**T1** khai là heroine).

Ngày 20/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Y**, tỉnh **S1**, thành lập Hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy, kết quả:

- 30 túi nilon gồm 24 túi nilon màu xanh và 06 túi nilon màu hồng khi bắt quả tang và khám xét có 5.905 viên nén màu hồng, tổng khối lượng 541,11 gam; trích 150 viên khối lượng 13,5 gam, ký hiệu từ A1 đến A30 làm mẫu giám định chất ma túy.

- 03 gói nilon màu trắng có tổng khối lượng 15,37 gam, trích lấy 1,46 gam ký hiệu C1 đến C3 làm mẫu giám định chất ma túy.

Kết luận giám định số 1067/KL-KTHS ngày 24/5/2023 của **Phòng K Công an tỉnh S** kết luận:

“Mẫu gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A30 đều là ma túy; Loại Methamphetamine; tổng khối lượng của các mẫu gửi giám định là 13,5 gam.

Mẫu gửi giám định ký hiệu C1, C2, C3 đều là ma túy, loại Heroine; tổng khối lượng của các mẫu gửi giám định là 1,46 gam.

Tổng khối lượng ma túy thu giữ là: 541,11 gam, loại Methamphetamine; 15,37 gam, loại Heroine”.

Quá trình điều tra các bị cáo **Trần Văn T1 và **Trần Văn X** khai nhận:**

Khoảng 17 giờ ngày 28/4/2023, **Trần Văn X** gặp và quen một người đàn ông giới thiệu tên là **G** ở khu vực **huyện T, thành phố Hà Nội**. **G** và **X** trao đổi, thỏa thuận việc mua bán ma túy với giá 6.000.000 đồng/01 túi **H** phiên, thống nhất địa điểm giao ma túy tại Hà Nội và cho nhau số điện thoại để trao đổi.

Khoảng 14 giờ 50 phút, ngày 15/5/2023, **Trần Văn X** đi xe máy một mình từ nhà đến nơi ở của **Trần Văn T1** thuộc bản **T, xã P, huyện Y** (là bạn quen biết từ trước) và nói có người đàn ông tên **G** dưới Hà Nội hỏi mua **H** phiên với giá 6.000.000 đồng/01 túi. **X** bảo **T1** bỏ tiền ra mua **H** phiên trước để **X** mang đi Hà Nội bán, số tiền lãi chia nhau sau, **T1** đồng ý. Đến khoảng 04 giờ 45 phút ngày 16/5/2023, **T1** gọi điện thoại đến số thuê bao 0387.894.704 cho một người đàn ông dân tộc Mông có tên là **C** ở bên Lào để đặt mua 01 áo Hồng phiên (30 túi Hồng phiên) và 05 chỉ Heroine. **T1** và **C** thống nhất với nhau giá mua 01 áo Hồng phiên 30.000.000 đồng và 05 chỉ Heroine giá 2.000.000 đồng, **C** đồng ý và bảo sẽ có người của **C** mang Hồng phiên và **H1** đến nhà giao cho **T1**. **Trần Văn X** nằm bên cạnh nghe thấy việc **T1** và **C** trao đổi mua bán ma túy qua điện thoại với nhau, sau đó **X** điều khiển xe máy về nhà.

Khoảng 07 giờ ngày 17/5/2023 có một người đàn ông (*không rõ tên tuổi, địa chỉ*) đến nơi ở của **T1** giới thiệu là người của **C** và giao cho **T1** 01 gói nilon màu đen, trong chứa 30 túi **H** phiên và 01 gói nilon màu trắng, bên trong chứa Heroine, **T1** trả cho người đàn ông 32.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy **T1** mang đến cửa hàng bán Vật tư nông nghiệp của **T1** ở **bản T, xã P, huyện Y** rồi chia gói Heroine thành 03 gói nhỏ đựng trong gói nilon màu trắng ban đầu và bỏ ra 01 túi **H** phiên cất cùng 02 gói Heroine vừa chia vào trong hộp bìa carton trong phòng ngủ, còn lại 29 túi **H** phiên và 01 gói Heroine Tiến cất giấu vào trong một lớp xe ô tô màu đen để trong cửa hàng.

Từ ngày 17/5/2023 đến ngày 19/5/2023 **T1** nhiều lần gọi điện cho **X** (*cụ thể 04 lần*) hẹn **X** đến cửa hàng nhà **T1** để lấy ma túy mang đi bán. Đến khoảng

12 giờ 30 phút ngày 19/5/2023 khi T1 đang ở cửa hàng Vật tư nông nghiệp thì X đi xe máy đến, T1 dẫn X vào trong phòng ngủ cửa hàng Vật tư nông nghiệp của mình để bàn việc mang H phiến đi bán. Trong phòng ngủ, T1 lấy 01 túi H phiến cất trong hộp bìa carton để lên bàn và nói với X, đây là một trong số ba mươi túi H phiến đặt mua được hôm trước, mang ra để cho T1 và X cùng sử dụng, sau khi sử dụng xong sẽ gói lại cùng với 29 túi H phiến để X mang đi bán, X đồng ý. Sau đó T1 và X, dùng ống điều do T1 tự chế và 01 bật lửa gas, giấy bạc T1 chuẩn bị sẵn để tại bàn để sử dụng, T1 lấy 03 viên H phiến ra cùng X đốt hít, khi cả hai sử dụng hết viên Hồng phiến thứ 3 thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT - VKS - P1 ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S1 đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn T1 về các tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Truy tố đối với Trần Văn X về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh S1 đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 20 (Hai mươi) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 02 (hai) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 22 (hai mươi hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn T1.

1.2. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn X phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Trần Văn X tù Chung thân. Tính từ ngày 19/5/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn X.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/3/2024, bị cáo **Trần Văn X** có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị cáo **Trần Văn X** giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng: Bị cáo **Trần Văn T1** bị thu giữ lượng ma túy nhiều hơn nhưng hình phạt đối với **T1** thấp hơn bị cáo là không công bằng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có thời hạn để bị cáo có cơ hội trở về làm người công dân có ích cho xã hội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về vụ án: Tòa án sơ thẩm đã căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xét xử bị cáo **Trần Văn X** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 03 lần bị kết án tù đều về tội cô ý; Mức hình phạt tù chung thân đối với bị cáo **Trần Văn X** là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Trần Văn X** không có tình tiết giảm nhẹ mới nào nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để được hưởng án tù có thời hạn của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh S1.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào bản án sơ thẩm, kháng cáo của bị cáo **Trần Văn X**, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Trần Văn X** kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo **Trần Văn X** khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Khoảng 17 giờ ngày 28/4/2023, **Trần Văn X** gặp và quen một người đàn ông giới thiệu tên là **G** ở khu vực **huyện T, thành phố Hà Nội**. **G** và **X** trao đổi, thỏa thuận việc mua bán ma túy với giá 6.000.000 đồng/01 túi **H** phiến, thống nhất địa điểm giao ma túy tại Hà Nội và cho nhau số điện thoại để trao đổi.

Ngày 15/5/2023, **Trần Văn T1** và **Trần Văn X** đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất để **Trần Văn T1** mua 541,11 gam Methamphetamine với giá 30.000.000 đồng cho **Trần Văn X** mang đi Hà Nội bán kiếm lời. **Trần Văn T1** mua thêm 15,37 gam Heroine với giá 2.000.000 đồng mục đích để bán kiếm lời. Ngoài ra, **Trần Văn T1** còn có hành vi cung cấp ma túy, công cụ, cho **Trần Văn X** cùng sử dụng tại cửa hàng của **T1** ở **bản T, xã P, huyện Y, tỉnh S1**.

Kết luận giám định số 1067/KL-KTHS ngày 24/5/2023 của **Phòng K Công an tỉnh S** kết luận tổng khối lượng ma túy thu giữ là: 541,11 gam, loại Methamphetamine; 15,37 gam, loại Heroine.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo **Trần Văn X** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Bộ luật Hình sự. Bị cáo **Trần Văn X** phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mua 541,11 gam Methamphetamine với giá 30.000.000 đồng để bán kiếm lời nên Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Trần Văn X** thì thấy:

[5.1] Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên bị truy tố, xét xử theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Bị cáo **Trần Văn X** là người khởi xướng việc mua ma túy về để bán kiếm lời, trực tiếp trao đổi, thỏa thuận với người tên **G** về giá cả mua bán ma túy và thống nhất địa điểm giao ma túy tại Hà Nội, gọi điện để **Trần Văn T1** tìm mua ma túy nên Tòa án sơ thẩm xác định bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án là có cơ sở. Quá trình điều tra, xét xử, bị cáo và **Trần Văn T1** đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng quy định. Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như bị cáo **T1**.

[5.2] Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà mỗi bị cáo được hưởng, Tòa án sơ thẩm quyết định căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Văn T1** 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (**H2**) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo **T1** phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 22 (Hai mươi hai) năm tù; **C1** cứ điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39, Điều 58 Bộ luật

Hình sự; xử phạt bị cáo **Trần Văn X** tù Chung thân về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng quy định.

[5.3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **Trần Văn X** không có tình tiết giảm nhẹ mới nào đáng kể có thể làm thay đổi bản chất vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án tù có thời hạn của bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh S1.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Trần Văn X** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Trần Văn X**; Giữ nguyên các quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2024/HS-ST ngày 14/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh S1 như sau:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 39, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn X** phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo **Trần Văn X** tù Chung thân. Tính từ ngày 19/5/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo **Trần Văn X**.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo **Trần Văn X** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I – TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh S1;
- VKSND tỉnh S1;
- Trại tạm giam Công an tỉnh S1;
- Cục THADS tỉnh S1;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, PHCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai